

Số: 2688/QĐ-UBND

Bắc Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Văn bản hợp nhất Luật Bảo vệ môi trường ngày 04/07/2019; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 19/5/2021 ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng

Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 07:2023/QCVN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND huyện Bắc Sơn về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 80/TTr-PKT&HT ngày 04/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án, phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Vạn Thủy, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021 - 2030.

1.2. Phạm vi, ranh giới: là toàn bộ địa giới hành chính của xã Vạn Thủy, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 4.047,20 ha, ranh giới xã được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Tân Hòa và xã Hòa Bình, huyện Bình Gia;
- Phía Nam: Giáp xã Tân Tri và xã Đồng Ý;
- Phía Đông: Giáp xã Long Đông và xã Đồng Ý;
- Phía Tây: Giáp xã Tân Hòa, huyện Bình Gia và xã Tân Tri.

1.3. Quy mô diện tích và dân số:

* *Quy mô diện tích:* Tổng diện tích tự nhiên của xã khoảng 4.047,20ha.

* *Quy mô dân số:*

- Quy mô dân số năm 2023 là: 1.703 người;
- Dự báo dân số đến năm 2025: Khoảng 1.746 người;
- Dự báo dân số đến năm 2030: Khoảng 1.862 người;

- Tốc độ gia tăng dân số chung khoảng 1,25-1,3%;

* *Lao động:*

- Dân số trong độ tuổi lao động năm 2023 là: 962 người, chiếm 56,5% tổng dân số;

Dự báo:

- Năm 2025 số lao động của xã là khoảng 1.222 người, chiếm 70,0% tổng dân số;

- Năm 2030 số lao động của xã là khoảng 1.397 người, chiếm 75,0% tổng dân số;

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm:

- Kế thừa đồ án quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, tận dụng tối đa hiện trạng để đề ra giải pháp quy hoạch;

- Tuân thủ định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện và kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội đang triển khai;

- Cập nhật, khớp nối các dự án khả thi và đang triển khai trên địa bàn;

- Đảm bảo tính bền vững và tăng khả năng thích ứng với môi trường;

- Quy hoạch định hướng phát triển xã bám sát trên cả 3 lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường:

+ Kinh tế - xã hội: Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc về vị trí khu vực đầu mối giao thông chính của xã kết nối, vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định; về quy mô đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Vị trí lập có thể phân tán hoặc lồng ghép trong các khu chức năng khác như: điểm tiêu thụ công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại- du lịch, trung tâm hành chính xã... Giải quyết vấn đề việc làm cho người dân trong khu vực gồm: Sản xuất sản phẩm nông-lâm nghiệp; Phục vụ sản xuất (Vận chuyển hoặc thương mại hóa sản phẩm); Dịch vụ trong các ngành kinh tế.

+ Môi trường: Giảm thiểu những tác động của hoạt động xây dựng, phát triển kinh tế lên môi trường, sinh thái. Đề xuất các biện pháp bảo vệ giữ gìn sinh thái bền vững song song với những hoạt động sản xuất nông nghiệp, có kế hoạch trồng và khai thác lâm nghiệp phù hợp, đối phó với biến đổi khí hậu. Tận dụng những lợi thế từ môi trường, cảnh quan bước đầu hỗ trợ phát triển mô hình du lịch sinh thái, nông nghiệp tăng thu nhập cho người dân.

2.2. Mục tiêu quy hoạch:

- Xây dựng quy hoạch chung xã phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của toàn huyện; phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Sơn định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt.

- Xác định phương hướng, nhiệm vụ cải tạo và xây dựng mới trên địa bàn xã; phát triển khu trung tâm xã, xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội theo hướng hiện đại, tập trung và bài bản; tạo lập môi trường, sản xuất, sinh hoạt thích hợp trước mắt và lâu dài; bảo vệ cảnh quan môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội;

- Hoàn thiện, kết nối cơ sở hạ tầng kỹ thuật của xã (giao thông, điện, cấp và thoát nước...); xây dựng, cải tạo công trình; cảnh quan đáp ứng các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Phấn đấu giai đoạn năm 2026-2030 đưa xã Vạn Thủy đạt chuẩn nông thôn mới.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn xã, thu hút đầu tư xây dựng.

3. Tính chất, chức năng và dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã:

3.1. Tính chất, chức năng

Với các đặc điểm kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên hiện trạng của xã, về cơ bản Xã Vạn Thủy là xã thuần nông, có cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp đa ngành chủ đạo: "Nông-lâm nghiệp – Dịch vụ thương mại" chuyển dịch theo hướng "Nông-lâm nghiệp – Dịch vụ thương mại-Du lịch – Tiểu thủ công nghiệp và xây dựng". Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng vẫn đặt phát triển nông-lâm nghiệp làm trọng tâm, tạo chiều sâu, nâng giá trị cho sản xuất nông-lâm nghiệp của xã, chú trọng tăng năng suất lao động, chú trọng đầu tư đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông –lâm nghiệp của xã bên cạnh đó cũng đẩy mạnh đa dạng hóa thêm các ngành nghề khác trong xã hội thuộc các ngành tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái- lịch sử- văn hóa, giải quyết vấn đề lao động, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Xây dựng khu trung tâm xã khang trang hiện đại quy củ tiến gần với những tiêu chuẩn đô thị, thay đổi bộ mặt của xã, tạo tiền đề thu hút tăng dân số cơ học.

3.2. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo:

Là một xã miền núi, lợi thế lớn nhất của xã Vạn Thủy là có tuyến đường DH75 chạy qua xã từ Đông Nam lên Tây Bắc, rất thuận lợi cho xã trong giao lưu, phát triển kinh tế. Phần lớn đất sản xuất của xã là đất lâm nghiệp, tài nguyên khá đa dạng do đó phát triển rừng và kinh tế lâm nghiệp là một hướng đi đúng đắn và bền vững.

- Dân số trong độ tuổi lao động cao và tỷ lệ lao động qua đào tạo tương đối. Tuy nhiên cần chú trọng vấn đề thu hút lao động sức trẻ, công tác đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế.

- Cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật tại Vạn Thủy đã được đầu tư tương đối đồng bộ. Tuy nhiên, cần đầu tư bổ sung để đáp ứng được nhu cầu của các ngành, nhu cầu sử dụng của nhân dân.

- Thiên tai lũ lụt nhìn chung ít xảy ra; Môi trường nhìn chung được giữ gìn sạch sẽ, nguồn nước sạch chưa bị ô nhiễm.

4. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030: (chi tiết tại Phụ lục 01, 02 kèm theo)

5. Nội dung quy hoạch chung:

5.1. Phân khu chức năng:

* *Định hướng quy hoạch khu trung tâm:* tổ chức thành 2 cấp gồm trung tâm xã và trung tâm thôn đảm bảo theo hướng: Ưu tiên sử dụng đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẹt, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Đối với đất xây dựng công trình công cộng: Tôn trọng hiện trạng, phát triển mới phải có hướng liên kết các công trình công cộng để tạo dựng bộ mặt khu trung tâm xã, thôn.

- Cây xanh khuôn viên: Tổ chức trồng các loại cây theo từng bậc từ thấp đến cao tạo sự thông thoáng đối với khu dân cư nông thôn.

- Đối với đất nông nghiệp: Các quỹ đất nông nghiệp trong khu trung tâm được giữ nguyên tạo cảnh quan sinh thái cho khu trung tâm xã.

- Các khu vực sản xuất như sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... được đưa ra ngoài khu vực trung tâm và khu vực dân cư tập trung, tránh ảnh hưởng đến môi trường nguồn nước tại những khu dân cư tập trung.

* *Định hướng chung khu chức năng:*

- Trung tâm xã: được xác định tại thôn Nà Thí qua các thời kỳ, đã được đầu tư xây dựng các công trình cơ bản của một đơn vị hành chính. Định hướng xây dựng hoàn thiện khu trung tâm xã theo hướng hiện đại, bài bản và quy củ. Các công trình được phát triển theo hướng phát triển mở rộng trên cơ sở hiện tại, vị trí tập trung, giao thông thuận tiện đảm bảo phối hợp hoạt động, thuận tiện đáp ứng nhu cầu của người dân trên toàn xã; hoàn thiện trong hoạt động hành chính; bên cạnh đó xây dựng mới một số công trình còn thiếu hoặc đã xuống cấp, không đủ tiêu chuẩn quy mô tối thiểu trên cơ sở các tiêu chí nông thôn mới nâng cao và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Trung tâm thôn: là khu tập trung dân cư của từng thôn; bao gồm công trình nhà văn hóa thôn, điểm vui chơi giải trí TDTT sinh hoạt cộng đồng. Hiện trên địa bàn các thôn cơ bản đã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng, khu đất xây dựng hiện đã đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 200 m², một số nhà văn hóa thôn chưa đảm bảo hội trường nhà văn hóa thôn phải đảm bảo phục vụ từ 150 chỗ ngồi trở lên và còn thiếu sân chơi bãi tập, vì vậy hướng quy hoạch hiện tại là cần cải tạo xây dựng các nhà văn hóa thôn chưa đạt chuẩn về sức chứa, cũng như bổ sung cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tại các thôn.

Bảng 01. Tổng hợp Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội.

TT	Công trình	Vị trí	Diện tích hiện trạng	Diện tích quy hoạch	Tăng + giảm -
1	Trụ sở đảng ủy, HĐND, UBND xã	Thôn Nà Thí	4.149	5.135	986
2	Trụ sở Công an xã	Thôn Nà Thí	1.100	2.182	1.082
3	Ban chỉ huy quân sự xã	Thôn Nà Thí	0	961	961
4	Trạm y tế xã	Thôn Nà Thí	2.909	2.909	0
5	Sân thể thao xã	Thôn Nà Thí	7.861	7.861	0
6	Chợ xã	Thôn Nà Thí	0	5.676	5.676
7	Bưu điện văn hoá	Thôn Nà Thí	0	539	539
8	Nhà văn hoá xã	Thôn Nà Thí	1.162	6.373	5.211
9	Nhà bia liệt sỹ	Thôn Nà Thí	0	228	228

Bảng 02. Tổng hợp Quy hoạch nhà văn hóa các thôn, sân TDTT các thôn:

NVH thôn Nà Thí	- Giữ nguyên vị trí, quy mô tại thôn Nà Thí, giáp trụ sở UBND. - Quy mô: 1.163m ² .
NVH thôn Bản Cầm	- Giữ nguyên vị trí, quy mô tại thôn Bản Cầm, trong khuôn viên sử dụng cùng phân trường mầm non thôn Bản Cầm. - Quy mô tổng thể: 724m ² .
NVH thôn Bản Soong	- Giữ nguyên vị trí, quy mô tại thôn Bản Soong, phía Tây Nam giáp đường bê tông. Sử dụng chung cùng khuôn viên Phân trường mầm non thôn Bản Soong. - Quy mô tổng thể: 1.324m ² .

Bảng 03. Bảng quy hoạch hạng mục các sân thể thao thôn:

Sân thể thao thôn Bản Khuông	- Vị trí: Thôn Bản Khuông, chuyển quy mô đất Nhà văn hóa hiện trạng và mở rộng quy mô làm sân thể thao thôn. - Quy mô: 500m ² .
------------------------------	---

STT thôn Bản Cầm	- Quy hoạch mới trên trục đường DH.75. - Quy mô: 4.517m ² .
STT thôn Bản Soong	Sử dụng chung cùng trong khuôn viên NVH+PT.Mâm non thôn Bản Soong.

5.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc điểm dân cư mới và cải tạo, nâng cấp, xen cây các điểm dân cư hiện trạng.

a) Nguyên tắc tổ chức điểm dân cư nông thôn:

- Công trình công cộng trong điểm dân cư tập trung gồm có: trường học, nhà văn hóa cụm dân cư kết hợp với điểm bưu điện, truy cập internet. Nhà văn hóa xây dựng kiên cố, nền cao tránh bị ngập lụt vào mùa mưa.

- Các khu dân cư có mật độ cao có một điểm thu gom rác tập trung, các khu ở phân tán hạn chế xây dựng.

- Các khu chăn nuôi tập trung có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tới khu dân cư bằng các biện pháp trồng cây và xử lý về nước sạch, vị trí cách xa khu dân cư tập trung mật độ cao

- Đảm bảo tiêu chuẩn đất cây xanh khu dân cư tối thiểu 4m²/người trở lên theo tiêu chuẩn.

b) Định hướng tổ chức:

- Khu trung tâm xã: có tuyến trục xã là tuyến ĐH75 đi qua. Trong đó khu hành chính trung tâm được tập trung chủ yếu tại thôn Nà Thí, nhà ở có diện tích nhỏ (100 - 300 m²) các hộ phía trước có thể kết hợp vừa ở và kinh doanh dịch vụ tạo thành khu dân cư tập trung.

- Thôn xóm ven các sườn đồi, núi được bố trí thành các dải và lớp. Lớp nhà phía trước là nhà nông thôn (diện tích 300 - 600 m²), có thể có kinh doanh dịch vụ nhỏ. Lớp nhà phía sau với diện tích và quy mô rộng hơn (600 - 3000 m²- bao gồm cả diện tích vườn - rừng đồi) được xây dựng theo mô hình nhà ở kết hợp vườn đồi - trồng rừng.

c) Quy hoạch các điểm dân cư mới:

+ Mở mới dọc theo tuyến đường trục xã ĐH.75, đường trục xã, thôn. Từ mốc lộ giới vào phía trong 30-50m sẽ tiến hành điều chỉnh đất ruộng, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất lâm nghiệp... sang đất ở nông thôn và đất sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

+ Mở rộng xen cây đất ở mới trên cơ sở các khu dân cư cũ ở những khu vực thuận lợi cho xây dựng tại khu vực trung tâm xã, trung tâm thôn;

- Các vị trí quy hoạch đất ở mới cụ thể trên bản đồ ký hiệu QH:03 định hướng phát triển không gian toàn xã, tổng diện tích quy hoạch chuyển đổi sang đất ở mới là khoảng 24,16ha.

5.3. Định hướng tổ chức không gian xã.

a) Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng, hạ tầng xã hội.

- *Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã:* Giai đoạn ngắn hạn giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc thôn Nà Thí. Quy hoạch xây mới trụ sở UBND xã tại thôn Nà Thí, nằm trên trục đường ĐH75, phía Bắc giáp đường ĐH75, phía Đông tiếp giáp trụ sở Công An xã mới, phía Tây tiếp giáp nhà văn hóa xã, phía Nam giáp đất công cộng. Tổng diện tích khu đất khoảng 5.135m².

- *Trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã:* Quy hoạch xây mới ban chỉ huy quân sự xã tiếp giáp phía Bắc Trạm y tế xã, diện tích xây dựng trụ sở khoảng 400m² trên khu đất khoảng 961m².

- *Trụ sở công an xã:* Giai đoạn ngắn hạn giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc thôn Nà Thí (gần Trạm y tế xã). Quy hoạch xây mới trụ sở Công an xã tại thôn Nà Thí, tiếp giáp phía Đông Bắc trụ sở UBND xã quy mô khoảng: 2.182m².

- *Trạm y tế xã:* Giữ nguyên vị trí và quy mô hiện trạng tại Thôn Nà Thí, quy mô khoảng 2.909m². Cải tạo nâng cấp đảm bảo đáp ứng theo quy định.

- *Khu thể dục thể thao xã:* Giữ nguyên vị trí, quy mô tại thôn Nà Thí, quy mô khoảng 7.862m².

- *Buru điện xã:* Quy hoạch tại thôn Nà Thí, quy mô khoảng 200m² trên khu đất khoảng 539m² giáp trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã.

- *Nhà bia tưởng niệm:* Quy hoạch 1 vị trí bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại thôn Nà Thí trên tuyến đường đi Bản Soong, tổng diện tích: 228m².

* *Đất giáo dục:* Trường chính và các điểm trường đáp ứng được tiêu chuẩn về bán kính phục vụ < 2 km đối với trường mầm non, tiểu học và 4 km với trường THCS. Cải tạo chỉnh trang, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu, các trường chính đạt trường chuẩn Quốc gia Cấp độ 2. Các điểm trường cải tạo, chỉnh trang đáp ứng tiêu chuẩn, nhu cầu phục vụ học tập cho nhóm học sinh trong bán kính phục vụ.

- *Trường Mầm non:* Quy hoạch xây mới tại thôn Nà Thí, tiếp giáp phía Bắc trụ sở UBND xã, quy mô khoảng 6.800m². Mục tiêu xây dựng trường mầm non đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 12m²/chỗ học với dự báo số trẻ mầm non đến năm 2030 khoảng 150 trẻ, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia cơ sở vật chất cấp độ 2.

+ Đối với 03 phân trường Mầm non: Cải tạo và bổ sung cơ sở vật chất đối với điểm trường, vẫn giữ nguyên quy mô và vị trí khu đất xây dựng. Đảm bảo mục tiêu dạy và học cho nhóm trẻ trong bán kính phục vụ.

- *Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và THCS xã:*

+ Giữ nguyên vị trí và quy mô 7.751m² tại thôn Nà Thí, đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp. Mục tiêu xây dựng trường học đảm bảo về quy mô diện tích tối thiểu từ 10m²/chỗ học với dự báo số học sinh cấp TH và cấp THCS đến năm 2030 khoảng 320 học sinh, bổ sung cơ sở vật chất mục tiêu đạt trường chuẩn Quốc Gia cơ sở vật chất cấp độ 2.

b) Các công trình văn hóa

- *Nhà Văn hóa xã*: Quy hoạch xây mới tại khu vực thôn Nà Thí, quy mô khoảng 6.373m². Hội trường đảm bảo từ 200 chỗ ngồi trở lên.

- *Nhà văn hóa thôn*: Nhà văn hóa thôn có phòng hội trường tối thiểu 100 chỗ ngồi, diện tích xây dựng tối thiểu 100m². Tiếp tục bổ sung cơ sở vật chất cải tạo các nhà văn hóa thôn, đầu tư trang thiết bị nhà văn hóa để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

c) Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, di tích.

- Tích cực vận động nhân dân tham gia công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Tăng cường quản lý Nhà nước trong công tác quản lý, tu bổ và phục hồi di tích; Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch tu bổ, chống xuống cấp đối với các di tích đã được xếp hạng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân và du khách;

- Tổ chức hướng dân thực hiện nếp sống văn minh tại các lễ hội gắn với di tích;

d) Công trình dịch vụ thương mại - dịch vụ, du lịch:

- *Chợ xã*: quy hoạch trên trục đường ĐH75 thuộc thôn Nà Thí quy mô khoảng 5.676m²

6. Định hướng tổ chức sản xuất:

6.1. Vùng sản xuất nông - lâm nghiệp:

- Vùng 1: Lúa mùa sớm, cây hàng năm, xen canh,... chủ yếu ở các Thôn Bản Soong, thôn Bản Khuông,...

- Vùng 2: Chuyên canh cây lâm nghiệp Quế, Hồi, Mỡ, Keo,... Trái khấp ở các khu vực rừng sản xuất thôn Bản Soong, thôn Bản Khuông, Bản Cầm, Nà Thí.

- Vùng 3: Khu vực sản xuất nông nghiệp sạch đảm bảo tiêu chuẩn rau sạch, rau an toàn chủ yếu ở các thôn Nà Thí, Bản Cầm.

- Vùng trồng cây lâu năm, cây ăn quả có múi là loại cây đang được quan tâm mở rộng trên địa bàn toàn xã, đan xen với đất trồng cây hàng năm, những khu vực đất đồi thoải.

- Vùng trồng rừng: Xã Vạn Thủy có rừng phòng hộ, cần khoanh vùng bảo vệ nghiêm ngặt đối với loại rừng này. Đề xuất cây trồng rừng cụ thể như sau: tiến hành trồng các loại cây lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, các loại cây đặc trưng, là thế mạnh của xã như Hồi, Quế, cây lấy gỗ,...

- Rừng sản xuất: hầu hết các thôn trên địa bàn xã đều có rừng sản xuất; khu vực này có thể hai thác cây lấy gỗ, cây lấy quả, hạt,... Các cây trồng chủ

yếu của rừng sản xuất: cây Hò, Quế và các cây có giá trị. Đề xuất trồng các cây được liệt kê dưới các tán rừng.

- Rừng phòng hộ cần có lộ trình bảo vệ rừng hiệu quả, nghiêm cấm khai thác lấy gỗ có thể khai thác lấy hạt, quả,...

- Khu chăn nuôi tập trung: Phát triển mô hình trang trại chăn nuôi tập trung kết hợp vườn ao chuồng, nuôi thả gia súc, gia cầm, thủy sản sạch chế biến phục vụ nội tại địa phương và các khu vực xung quanh; Nhằm cung ứng chuỗi thức ăn sạch đảm bảo, và đảm bảo vệ sinh môi trường khu vực nuôi nhốt chăn thả; Tập trung chăn nuôi con giống nghiên cứu các mô hình chăn nuôi có năng suất cao chất lượng tốt khoa học.

6.2. Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại:

Định hướng phát triển là tạo điều kiện tối đa để thu hút các nguồn lực, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư và thành phần kinh tế, tập trung ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế gắn với vùng nguyên liệu như công nghiệp chế biến nông sản, tạo động lực thúc đẩy sản xuất, tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau:

- Triển khai thực hiện tốt các chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề của Trung ương, của tỉnh, của huyện như: chính sách đất đai, đầu tư, tín dụng, thuế, lao động và đào tạo; quan tâm đến vấn đề cải cách các thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, thúc đẩy tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề phát triển.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật tạo điều kiện cho các loại hình dịch vụ phát triển, ưu tiên đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ vận tải, cơ khí sửa chữa...; đầu tư phát triển chợ nông thôn để chợ là trung tâm hoạt động thương mại của xã, tạo điều kiện giao thương hàng hoá, thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Khuyến khích các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề đổi mới thiết bị, áp dụng các tiến bộ KHKT công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hợp tác xã ở nông thôn; Đây là giải pháp có hiệu quả, vốn đầu tư ít mà lại giải quyết được nhiều lao động, đồng thời có thể tranh thủ nhanh được công nghệ hiện đại và thích hợp. Lựa chọn, bồi dưỡng, hỗ trợ một số hộ, cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả, năng động làm nòng cốt nhằm thu hút lao động nhân rỗi trong địa phương, dần hình thành các cụm, điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh năng động.

6.3. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

Gồm hoặc có các chức năng:

- Tiểu thủ công nghiệp - khai thác vật liệu xây dựng: (chế biến gắn với các vùng sản xuất chuyên canh) và Thương mại (chuyên doanh bán buôn nông

sản và vật tư nông nghiệp, chế biến tại thôn Nà Thí, Bản Cầm).

- Phát triển du lịch sinh thái - du lịch tâm linh gắn liền với tồn cảnh quan thiên nhiên và bảo vệ môi trường tự nhiên tại khu du lịch sinh thái Vàng Soong.

7. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

** Giao thông đối ngoại (đường liên xã):*

- Đường liên xã (đường ĐH.75) giữ nguyên hiện trạng tim đường phát triển mở rộng về 2 bên, thực hiện cải tạo, nâng cấp theo định hướng chung của tỉnh. Riêng đoạn qua trung tâm xã đảm bảo quy mô mặt cắt lộ giới 13m (Mặt cắt 1-1)

- Các tuyến còn lại: Giữ nguyên hiện trạng tim đường phát triển mở rộng về 2 bên, lòng đường đổ bê tông rộng 5,0m-7,5m đoạn qua trung tâm các thôn có hè mỗi bên rộng 2m. Chiều rộng tổng thể: 10,0m-11,5m.

** Giao thông đối nội (đường thôn):*

- Đường trục thôn quy mô mặt cắt lộ giới từ 8,0m, mặt đường rộng từ 5m, kết cấu bê tông hoặc thảm nhựa (Mặt cắt 2-2).

- Đường thôn: nâng cấp mở rộng các tuyến đường thôn tối thiểu đạt chuẩn cấp A cấp B miền núi. Quy hoạch quy mô mặt cắt lộ giới 6,5m ÷ 9,0m (Mặt cắt 3-3) mặt đường rộng 3,5 ÷ 5m, các đoạn qua khu dân cư tập trung bố trí vỉa hè hai bên rộng trung bình từ 1,50m; các đoạn khác mặt đường rộng từ 3,5m, lề đường từ 1,0m.

- Hệ thống đường nội đồng, đường phục vụ sản xuất quy hoạch đảm bảo mặt đường tối thiểu từ 2,5m, lề đường từ 0,5m mỗi bên.

** Giao thông tĩnh:*

Tổ chức bãi đỗ xe, vịnh đỗ xe tại các công trình công cộng, trường học, đặc biệt là trường Mầm non và trường Tiểu học.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

Xác định cao độ xây dựng khống chế:

- Cao độ xây dựng được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy chuẩn hiện hành. Cao độ của từng khu vực sẽ khác nhau, phụ thuộc vào điều kiện địa hình, thủy văn.

- Tại khu vực trung tâm xã và các khu vực bám sát trục đường trung tâm xã, cao độ xây dựng khống chế được lấy theo cao độ của trục đường này.

- Các khu vực dân cư, các công trình công cộng, trụ sở giữ nguyên cốt hiện trạng, các khu vực bị ngập úng kiên nghị tôn nền vượt lũ cao nhất đã xảy ra tại khu vực đó. Những khu xây dựng, phát triển mới cần cao hơn cốt ngập lụt

(HLũ max). Các công trình công cộng cần tôn nền tới cao độ HLũ max+ (0,3-0,5)m.

- Cao độ xây dựng không chế như sau:

+ Khu vực trung tâm xã $H_{Min} \geq 270,0m$

+ Khu vực phát triển mới $H_{Min} \geq 263,2m$ (trung bình).

b) Thoát nước mưa:

Thiết kế hệ thống thoát nước, đơn giản hoàn chỉnh, phù hợp với địa hình miền núi. Hoàn chỉnh hệ thống hồ, đập nhỏ điều tiết nước, hạn chế lũ quét mùa mưa, trữ nước canh tác mùa khô

7.3. Cấp nước.

- Dự báo nhu cầu dùng nước dự báo đến năm 2030 trên địa bàn xã là $399,99m^3/ngđ$.

+ Nguồn nước: Cấp nước sạch là một chính sách ưu tiên, đặc biệt là vùng cao, vùng đồi núi có dân cư và địa bàn thiếu nguồn nước về mùa khô bằng biện pháp tạo nguồn dự trữ nước, tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, vốn của Nhà nước, tỉnh và huy động đóng góp của nhân dân để huy động hệ thống tự chảy dẫn nước từ đầu nguồn, khe suối về khu dân cư; xây các bể chứa, bể lọc, giếng khoan. Xây dựng 1 trạm cấp nước sạch khu vực trung tâm xã, công suất $400 m^3/ngày$ đảm phục vụ cho nhu cầu cả xã

+ Quy hoạch mở mới các bể cho các thôn chưa được cấp nước.

+ Nâng cấp và cải tạo lại các đường dẫn nước ở những thôn đã có hệ thống cấp nước - tuyến dẫn từ Trạm bơm đến nơi tiêu thụ: Thiết kế các tuyến theo mạng lưới vòng kết hợp cụt. Tuyến ống có đường kính D63mm ÷ D110mm, sử dụng đường ống HDPE (PE80).

7.4. Cấp nước tưới sản xuất.

+ Hiện xã đang sử dụng hệ thống kênh mương tưới; mương xây, mương đất tuy nhiên đến nay một số đã xuống cấp, nguồn nước tại các con suối có nguy cơ cạn kiệt.

+ Hệ thống kênh mương; xây dựng tuyến mương dẫn nước khu vực trạm bơm mới xây dựng cải tạo nâng cấp các đập dâng tại các suối hiện trạng khai thông mương dẫn đáp ứng nhu cầu nước tưới cho nông nghiệp. Đảm bảo nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp trồng lúa được 2 vụ.

+ Thực hiện quy hoạch theo nhu cầu kiên cố hóa tuyến mương: Xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa toàn bộ hệ thống kênh mương theo danh mục trên địa bàn xã.

7.5. Cấp điện.

- Nguồn điện: đường dây 35KV từ TBA 110KV Hữu Lũng, Quang Sơn (Thái Nguyên).

- Tổng nhu cầu cấp điện: 1.368,00 (kw).

- Trạm lưới 35/0,4 KV: Vẫn giữ nguyên tuyến điện 35kv như hiện nay. Xây dựng mới các tuyến điện 35kv cung cấp cho các trạm biến áp xây dựng mới, lưới điện được thiết kế dây đi nổi loại nhôm tiết điện AC-50 đến AC- 150. Lưới 35 được thiết kế theo mạng hình tia.

- Trạm hạ áp 35/0,4 kv: trên cơ sở nhu cầu sử dụng điện của từng khu vực mà bố trí công suất trạm phù hợp với công suất yêu cầu. Sử dụng lại trạm biến áp đã có gồm 5 trạm;

- Hình thức trạm: Để đảm bảo cung cấp điện cho xã Vạn Thủy, sử dụng các trạm 35/0.4 kV dùng trạm treo.

Mạng lưới hạ thế cấp đến hộ sử dụng từ trạm biến áp sử dụng đường dây đi nổi trên các cột điện theo các tuyến giao thông đến cấp điện cho các hộ sử dụng.

* Lưới hạ áp 0,4 kV: Đối với các tuyến 0,4 kV hiện có cần điều chỉnh lại hoặc tháo dỡ những tuyến điện không phù hợp với quy hoạch.

- Các tuyến 0,4kv có tiết diện nhỏ cần được cải tạo cho phù hợp với công suất yêu cầu. Bán kính cấp điện 0,4kv của trạm biến áp 1 lộ không lớn hơn 1km đối với nội thị, 1,5km đối với ngoại thị để đảm bảo chất lượng điện năng.

- Mạng lưới 0,4 kV xây dựng theo mạng hình tia, bố trí đi nổi. Dùng dây nhôm cách điện vỏ PVC hoặc cáp vặn xoắn ABC.

7.6. Thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang.

a) Thoát nước thải.

Nước thải sinh hoạt: 80 l/ ng.ngđ, tỷ lệ thu gom 100%. Lượng nước thải được thu gom 317,32 m³/ng.đ.

Sử dụng hệ thống thoát nước chung tại các khu vực dân cư tập trung. Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, các công trình công cộng (sau khi được xử lý cục bộ tại chỗ bằng các bể tự hoại) được xả vào hệ thống cống thoát nước mưa, các tuyến cống, rãnh thoát nước đặt trong các ngõ, bản rồi đổ ra suối thoát nước. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Cặn lắng sau bể Biogas được đưa đến xử lý tại khu xử lý chất thải rắn tập trung.

Đối với các khu dân cư có mật độ dân cư thấp, lựa chọn giải pháp thoát nước thải tự thấm khi điều kiện địa chất cho phép.

Đối với nước thải các khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp phải xử lý đạt giới hạn B của TCVN 5945-2005, trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung.

b) Quy hoạch thu gom chất thải rắn, nghĩa trang.

** Chất thải rắn:*

- Chỉ tiêu tính toán 0,8kg/người,ngày; chỉ tiêu thu gom 100%. Tổng lượng rác thải: 1,49 tấn/ngày.

- Thành lập đội vệ sinh môi trường thu gom CTR. Xã hội hóa thu gom rác thải. Giao cho đơn vị kí hợp đồng thu gom rác đưa rác thải đi xử lí theo quy định.

- Phân loại CTR ngay tại nguồn thải trước khi thu gom. Rác thải vô cơ để thu hồi tái chế, rác thải hữu cơ thu gom đến khu xử lý tập trung

- Đối với những khu dân cư sống rải rác. Rác thải sẽ xử lý ngay tại mỗi hộ gia đình bằng cách chôn lấp tại vườn đồi quanh nhà.

- Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung được bố trí trong bán kính không quá 100m, trang bị thùng đựng CTR công cộng loại 0,5m³ và xe đẩy tay cho các thôn để thu gom và vận chuyển CTR từ các điểm tập kết đến điểm trung chuyển.

** Nghĩa trang:*

- Do tập quán chôn cất địa phương, dân cư rải rác hiện trạng vẫn có các nghĩa trang nhân dân trên địa bàn xã nằm rải rác ngoài các nghĩa trang tập trung ở thôn, nhìn chung không gây ô nhiễm ảnh hưởng tới môi trường, vì vậy định hướng quy hoạch cho nghĩa trang hiện tại là cải tạo các nghĩa trang nhân dân tại các thôn thêm. Giữ nguyên các nghĩa trang nhân dân với tổng diện tích đất nghĩa trang sau khi điều chỉnh khoảng 0,5 ha.

7.7. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục hạ tầng viễn thông thụ động:

Tăng cường cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, truyền thanh cho xã; Đẩy mạnh phát triển bưu chính, viễn thông, đưa bưu chính, viễn thông trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin về mọi mặt của đời sống xã hội; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành; Tăng cường đưa thông tin về cơ sở; Phân đấu hoàn thành tốt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

8. Các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Dự báo và đánh giá tác động tới các thành phần đến môi trường nước, môi trường không khí và tiếng ồn, môi trường đất, chất thải rắn, nghĩa trang và hệ sinh thái.

- Phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực; áp dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường.

9. Phân kỳ đầu tư:

9.1. Giai đoạn 2023-2025 ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình sau:

a) *Hạ tầng xã hội:*

- Thực hiện lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã.
- Xây mới các cơ quan trụ sở, nâng cấp và bổ sung cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã.
- Đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà văn hóa xã, nhà văn hóa các thôn, hoàn thiện sân TDTT xã, sân TDTT thôn đảm bảo theo quy định.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

+ Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông liên xã, đường xã đạt chuẩn cấp A miền núi; Thường xuyên kiểm tra sạt lở, bảo dưỡng đối với các tuyến giao thông chính. Phấn đấu đạt tiêu chuẩn, tiêu chí về giao thông theo tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao

+ Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã.

+ Đường nội đồng, giai đoạn đầu cải tạo nâng cấp các tuyến nội đồng hiện có, mở rộng nền đường, giai đoạn sau khi ngành sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ khoa học, cơ giới hóa cần cứng hóa bê tông các tuyến chính nội đồng, chiều rộng nền trung bình $3,5 \div 4,0m$.

9.2. Giai đoạn sau từ 2025-2030: phấn đấu đạt đủ các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

a) Hạ tầng xã hội:

+ Đầu tư xây dựng hoàn thiện khu trung tâm xã và các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn xã.

+ Thực hiện các dự án công trình dịch vụ thương mại, du lịch, công trình sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, dự án chăn nuôi trên địa bàn xã.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: đầu tư mở rộng tuyến trục xã (đoạn qua trung tâm xã), các tuyến đường thôn đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác: cấp nước, cấp điện, thoát nước và thông tin liên lạc.

- Cấp nước sinh hoạt: đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung cho các thôn chưa được cấp. Cứng hóa 100% tuyến mương, phai đập; Cải tạo, sửa chữa các phai nước, đập dâng xuống cấp trên địa bàn xã.

- Đến năm 2030 tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt trên 80%

10. Khái toán tổng mức đầu tư :

- Khái toán nhu cầu vốn: (chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

11. Tiến trình thực hiện các dự án đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Các công trình hạ tầng xã hội: Trụ sở xã, Trụ sở công an, trụ sở ban chỉ huy quân sự xã, trường học, trạm y tế xã,...;

- Hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn;

- Nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, sân thể thao xã, sân thể thao thôn;

- Đường giao thông theo thứ tự đường xã, đường thôn, nội thôn, xóm ngõ, nội đồng;

- Công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông - thủy lợi, nước sinh hoạt, thu gom rác thải;

- Công trình thương mại-dịch vụ; Du lịch, khu chăn nuôi tập trung và cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

12. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch (ban hành kèm theo quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân xã Vạn Thủy phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các đơn vị liên quan công bố công khai nội dung đồ án quy hoạch theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân xã Vạn Thủy xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt và thực hiện quản lý theo Quy chế quản lý xây dựng đúng với quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thông tin, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Sơn, Chủ tịch UBND xã Vạn Thủy, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây Dựng;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phùng Thị Thanh Nga